TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-ST
Ngày: 29-7-2022
"V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2021/TLST-DS ngày 18/6/2021 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-DS ngày 14/6/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số ấp AN, xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số ấp BT, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2020); (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số ấp AN, xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim M là chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim M là mẹ ruột của chị Lê Thị Ngọc C. Vào ngày

10/6/2013, bà M có cho chị C vay số tiền 500.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 02%/tháng và thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 10/6/2013. Việc vay tiền bà M có nhờ người khác đánh máy nội dung biên nhận tiền, sau khi chị C ký tên xác nhận vào biên nhận tiền thì bà M đã giao đủ số tiền 500.000.000 đồng cho chị C tại nhà của bà M. Khi vay tiền, chị C có giao cho bà M giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số bìa BK 551422, số vào sổ CH03887, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 60, diện tích 563,5m^2, do chị Lê Thị Ngọc C đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/6/2012 để làm tin. Tuy nhiên, đến nay chị C vẫn chưa trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà M.

Nay bà Nguyễn Thị Kim M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay nợ gốc là 500.000.000 đồng và không yêu cầu số tiền lãi chậm trả. Đồng thời, bà M đồng ý giao trả cho chị C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số bìa BK 551422, số vào sổ CH03887, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 60, diện tích 563,5m^2, do chị Lê Thị Ngọc C đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/6/2012.

Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà M gồm có bản chính Biên nhận tiền, đề ngày 10/6/2013. Bà M khẳng định chữ ký tên của chị C trong biên nhận này là do chính chị C ký tên trước mặt của bà M nên bà M không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký tên của chị C và bà M cam đoan việc bà M cho chị C vay tiền là có thật, không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ đối với người khác và chịu trách nhiệm về chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đối với người đánh máy nội dung biên nhận, thì do thời gian đã qua lâu nên bà M không nhớ là ai đã đánh máy nên không cung cấp thông tin cho Tòa án được.

- *Đối với bị đơn Lê Thị Ngọc C:* Chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp, phiên tòa; đồng thời, chị C cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Lê Thị Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xác định chứng cứ, đó là: *"Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận"*. Theo đó, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim M cung cấp bản chính Biên nhận tiền, đề ngày 10/6/2013 thể hiện số tiền mà bị đơn Lê Thị Ngọc C vay của bà M là 500.000.000 đồng. Như vậy, bản chính biên nhận tiền là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Và khoản 4 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Theo đó, bị đơn Lê Thị Ngọc C đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng từ Thông báo về việc thụ lý vụ án, đến Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Hơn nữa, Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi kèm theo bản sao biên nhận vay tiền mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Thế nhưng, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Điều này cho thấy, bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình và không phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy

định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh thì phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại khoản 25 Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim M yêu cầu chị Lê Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim M được chấp nhận toàn bộ và bị đơn Lê Thị Ngọc C không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim M đã nộp tạm ứng số tiền 2.250.000 đồng cho việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã chi xong. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà M là chị Nga trình bày về chi phí này bà M tự nguyện chịu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim M là chị Nguyễn Thị Yến N có mặt tại phiên tòa, nên bà M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Lê Thị Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim M.

2. Buộc chị Lê Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim M số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Kim M có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số bìa BK 551422, số vào sổ CH03887, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 60, diện tích 563,5m^2, do chị Lê Thị Ngọc C đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/6/2012.

4. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Lê Thị Ngọc C phải chịu 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Chị Lê Thị Ngọc C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Thành Nhân